

**I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN**

**Câu 1: Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết được thành lập vào thời gian nào?**

- A. Tháng 6 – 1925.    B. Tháng 12 – 1925.    C. Tháng 12 – 1922.    D. Tháng 6 – 1922.

**Câu 2: Đảng Bôn – sê – vích quyết định thực hiện “Chính sách kinh tế mới” vào thời gian nào?**

- A. Tháng 3 – 1921.    B. Tháng 12 – 1922.    C. Tháng 6 – 1925.    D. Tháng 12 – 1930.

**Câu 3: Tác động của chính sách mới đối với chế độ chính trị nước Mỹ là gì?**

- A. Duy trì chế độ dân chủ.    B. Giải quyết nạn thất nghiệp.  
C. Tạo thêm nhiều việc làm.    D. Xoa dịu mâu thuẫn xã hội.

**Câu 4: Trong những năm 1923-1929, Mĩ đứng đầu thế giới về các ngành công nghiệp nào?**

- A. Than, thép.    B. Ô tô, dầu mỏ, thép.  
C. Ô tô, thép, than.    D. Than, thép, dầu lửa.

**Câu 5: Cuộc khủng hoảng kinh tế ở Mĩ bắt đầu trong lĩnh vực gì?**

- A. Tháng 7 – 1929 trong lĩnh vực ngân hàng.  
B. Tháng 8 – 1929 trong lĩnh vực tài chính.  
C. Tháng 9 – 1929 trong lĩnh vực công nghiệp.  
D. Tháng 10 – 1929 trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

**Câu 6: Trong thời gian tồn tại (1919-1943), Quốc tế Cộng sản đã tiến hành bao nhiêu kì đại hội?**

- A. 9 kì đại hội.    B. 8 kì đại hội    C. 7 kì đại hội.    D. 6 kì đại hội.

**Câu 7: Hoàn cảnh cơ bản nào sau đây dẫn đến sự ra đời của Quốc tế cộng sản?**

- A. Cao trào cách mạng dâng cao ở các nước thuộc châu Âu dẫn đến sự thành lập các đảng cộng sản ở nhiều nước.  
B. Chính quyền tư sản đàn áp khủng bố phong trào của quần chúng.  
C. Những hoạt động tích cực của Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích Nga.  
D. Quốc tế thứ hai giải tán.

**Câu 8: Đảng Cộng sản Nhật Bản thành lập vào thời gian nào?**

- A. 7/1922.    B. 7/1921.    C. 8/1922.    D. 6/1922.

**Câu 9: Cuộc nội chiến cách mạng ở Trung Quốc diễn ra trong khoảng thời gian nào?**

- A. Năm 1926 đến 1927.    B. Năm 1927 đến 1930.  
C. Năm 1927 đến 1935.    D. Năm 1927 đến 1937.

**Câu 10: Đảng cộng sản Trung Quốc thành lập vào thời gian nào?**

- A. Tháng 7 năm 1920.    B. Tháng 7 năm 1921.  
C. Tháng 7 năm 1922.    D. Tháng 7 năm 1923.

**Câu 11: Phong trào đấu tranh nào đã mở đầu cho cao trào cách mạng chống đế quốc phong kiến ở châu Á?**

- A. Xô viết Nghệ Tĩnh.    B. Phong trào Ngũ tứ.  
C. Cách mạng Mông cổ.    D. Khởi nghĩa Gia-va.

**Câu 12: Ngày 15/8/1945 đã diễn ra sự kiện lịch sử nào trong tiến trình cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai?**

- A. Mĩ thả bom nguyên tử xuống Nhật Bản.  
B. Hồng quân Liên Xô đánh bại một triệu quân Quan Đông của Nhật.  
C. Nhật Bản chấp nhận đầu hàng Đồng minh không điều kiện.  
D. Quân Đồng minh truy kích phát xít Nhật.

**Câu 8: Ngày 6 và ngày 9/8/1945, Mĩ ném bom nguyên tử xuống hai thành phố nào của Nhật Bản?**

- A. Na-gôi-a, Tô-ki-ô.    B. Hi-rô-si-ma, Na-ga-xa-ki.  
C. Tô-ki-ô, Ô-xa-ca.    D. Hi-rô-si-ma, Na-gôi-a.

**Câu 14: Tháng 8/1945, Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc với sự thất bại hoàn toàn của phe nào?**

- A. Phe Liên minh.    B. Phe Hiệp ước.    C. Phe phát xít.    D. Phe Đồng minh.

**Câu 15: Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên được thành lập nhằm mục đích gì?**

- A. Lãnh đạo phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.  
B. Tập hợp lực lượng chuẩn bị vùng dậy đấu tranh.

C. Tổ chức và lãnh đạo quần chúng đoàn kết, tranh đấu để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và tay sai để tự cứu lấy mình.

D. Làm lực lượng chính của cách mạng Việt Nam.

**Câu 16: Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên được thành lập vào thời gian nào, ở đâu?**

A. Tháng 5 - 1925 ở Quảng Châu (Trung Quốc).

B. Tháng 6 - 1925 ở Hương Cảng (Trung Quốc).

C. Tháng 7 - 1925 ở Hương Cảng (Trung Quốc).

D. Tháng 6 - 1925 ở Quảng Châu (Trung Quốc).

**Câu 17: Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo gồm các văn kiện nào?**

A. Chính cương vắn tắt và Điều lệ vắn tắt.

B. Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt và Điều lệ vắn tắt.

C. Chính cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt.

D. Chính cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt và Lời kêu gọi của Nguyễn Ái Quốc.

**Câu 18: Từ năm 1919- 1925, Nguyễn Ái Quốc hoạt động chủ yếu ở các nước nào?**

A. Pháp, Thái Lan, Trung Quốc.

B. Pháp, Liên Xô, Trung Quốc, Thái Lan.

C. Anh, Pháp, Liên Xô, Trung Quốc.

D. Pháp, Liên Xô, Trung Quốc.

## II/ CÂU TRẢ LỜI ĐÚNG – SAI

**Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau, chọn đáp án đúng hoặc sai.**

“Cuộc chiến tranh xâm lược Đông Bắc Trung Quốc từ ngày 18-9-1931 của Nhật đánh dấu sự lựa chọn cách giải quyết tình thế mở đầu cho quá trình phát xít hóa và bành trướng xâm lược... Đến tháng 2-1932, toàn bộ ba tỉnh Đông Bắc Trung Quốc rơi vào tay quân Nhật. Tại đây, Nhật dựng lên chính phủ bù nhìn “Mãn Châu quốc” nhằm hợp pháp sự chiếm đóng của Nhật... Ngày 27-3-1933, lầy cờ Hội Quốc liên không công nhận “Mãn Châu quốc”, Nhật Bản tuyên bố rút khỏi tổ chức này... Từ ngày 7-7-1937, với sự kiện “Lư Cầu Kiều” (Tây Nam Bắc Kinh), cuộc xâm lược đại quy mô ở Trung Quốc bắt đầu”.

(Dẫn theo Đỗ Thanh Bình (Chủ biên), *Lịch sử thế giới hiện đại, Quyển 1, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2012, tr.222 – 224*)

a/ Nhật Bản bắt đầu cuộc chiến tranh xâm lược Trung Quốc bằng việc tấn công Bắc Kinh.

b/ Quá trình bành trướng của quân phiệt Nhật bắt đầu tại Đông Bắc Trung Quốc từ tháng 9-1931.

c/ Nhật Bản rút khỏi Hội Quốc liên vì Hội không công nhận “Mãn Châu quốc”.

d Nhật Bản đánh chiếm toàn bộ Trung Quốc đã đánh dấu sự hình thành lò lửa chiến tranh ở Thái Bình Dương.

**Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau, chọn đúng hoặc sai.**

“Vào ngày 6-8-1945, Mỹ thả quả bom nguyên tử thứ nhất xuống thành phố Hi-rô-si-ma, khiến 140 000 người thiệt mạng. Sau đó ba ngày, Mỹ thả quả bom thứ hai xuống Na-ga-sa-ki, giết chết 74 000 người. Với việc ném bom nguyên tử vào Nhật Bản, Mỹ đã đạt được hai mục tiêu: buộc Nhật Bản nhanh chóng đầu hàng, đẩy nhanh quá trình kết thúc chiến tranh và trình diễn cho toàn thể giới biết về vũ khí mạnh nhất mà chưa nước nào có được. Hai quả bom nguyên tử không chỉ cướp đi sinh mạng của hàng trăm nghìn người ngay thời điểm đó... mà còn để lại hậu quả nghiêm trọng cho nhiều thế hệ kế tiếp”.

(Dẫn theo Báo Quân đội nhân dân, ngày 6-8-2022)

a/ Mỹ ném hai quả bom nguyên tử đầu tiên xuống hai thành phố lớn của Nhật Bản là Hi-rô-si-ma và Na-ga-sa-ki vào tháng 8-1945.

b/ Mục tiêu của Mỹ khi ném hai quả bom nguyên tử là nhằm phô diễn sức mạnh hạt nhân mà chưa nước nào có được.

c/ Hai quả bom nguyên tử đã khiến Nhật Bản ngay lập tức đầu hàng không điều kiện quân đội Đồng minh.

d/ Hai quả bom nguyên tử đã để lại hậu quả nặng nề về cả sinh mạng và vật chất đối với Nhật Bản trong thời gian dài.

**Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau, chọn đáp án đúng hoặc sai**

“Hội An Nam Thanh niên Cách mạng (tên gọi khác của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên) do chúng tôi tổ chức ra năm 1925. Có thể nói rằng, nó là quả trứng, mà từ đó nở ra chim non cộng sản (Đảng Cộng sản Việt Nam)”.

(Báo cáo của Nguyễn Ái Quốc gửi Quốc tế Cộng sản ngày 18-2-1930, in trong Văn kiện Đảng, Toàn tập, Tập 2: 1930, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.21)

- a/ Đoạn tư liệu đề cập tới vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong Hội nghị thành lập Đảng.
- b/ Đoạn tư liệu cung cấp thông tin về sự thành lập của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
- c/ Đoạn tư liệu khẳng định Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là tổ chức tiền thân của Đảng.
- d/ Đoạn tư liệu phản ánh phong trào đấu tranh dân tộc dân chủ của tư sản và tiểu tư sản Việt Nam.

### III. TỰ LUẬN:

**Câu 1. Trình bày những nét lớn về tình hình chính trị, kinh tế của nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.**

♦ Tình hình chính trị

- Về đối nội:

+ Trong những năm 20 của thế kỉ XX, Đảng Cộng hoà liên tục nắm chính quyền, đề cao sự phồn vinh của nền kinh tế, ngăn chặn các cuộc đấu tranh của công nhân, đàn áp những người có tư tưởng tiến bộ...

+ Năm 1930, Đảng Dân chủ giành thắng lợi trong cuộc bỏ phiếu bầu Quốc hội Mỹ.

- Về đối ngoại:

+ Trong những năm 20 của thế kỉ XX, giới cầm quyền Mỹ theo đuổi lập trường chống Liên Xô, tiếp tục thực hiện học thuyết Môn-rô (châu Mỹ của người châu Mỹ) để bành trướng, thậm chí can thiệp về quân sự khi cần thiết đối với khu vực Mỹ La-tinh.

+ Từ năm 1933, Chính phủ của Tổng thống Ph. Ru-dơ-ven đã công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Liên Xô, thực hiện chính sách “láng giềng thân thiện” đối với các nước Mỹ La-tinh.

♦ Sự phát triển kinh tế

- Trong những năm 20 của thế kỉ XX, kinh tế Mỹ bước vào thời kì phát triển “hoàng kim”:

- Tháng 10/1929, cuộc đại suy thoái kinh tế bùng nổ ở Mỹ, bắt đầu từ lĩnh vực tài chính, rồi nhanh chóng lan ra các lĩnh vực khác, khiến nền kinh tế-tài chính Mỹ sa sút.

- Để đưa nước Mỹ thoát ra khỏi cuộc đại suy thoái, Tổng thống Ph. Ru-dơ-ven đã thực hiện Chính sách mới, với các biện pháp nhằm: giải quyết nạn thất nghiệp, phục hồi sự phát triển của các ngành kinh tế-tài chính, cải tổ hệ thống ngân hàng, tạo thêm nhiều việc làm mới và ổn định tình hình xã hội.

- Chính sách mới đã cứu nguy cho chủ nghĩa tư bản Mỹ, góp phần làm cho nước Mỹ duy trì được chế độ dân chủ tư sản, tình hình chính trị, xã hội dần dần được ổn định.

**Câu 2. Phân tích hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai đối với lịch sử nhân loại.**

**Câu 3. Nguyên nhân nào đã làm nên thắng lợi của phe Đồng minh trong Chiến tranh thế giới thứ hai? Hãy nêu ý nghĩa của thắng lợi đó?**

**Câu 4. Liên hệ và cho biết: Chiến tranh thế giới thứ hai đã để lại những bài học gì cho việc bảo vệ hoà bình thế giới hiện nay?**

**Câu 5. Nêu quá trình, ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.**

**Câu 6. Đánh giá vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.**

- Vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam:

+ Chuẩn bị những điều kiện về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

+ Chủ trì hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam và soạn thảo cho Đảng một Cương lĩnh chính trị đúng đắn, sáng tạo.

### B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

#### I. TRẮC NGHIỆM:

**1. Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng.**

**Câu 1. Đâu không phải là đặc điểm của dân tộc Việt Nam?**

A. Các dân tộc ở Việt Nam sinh sống rộng khắp trên toàn lãnh thổ.

B. Dân tộc thiểu số phân bố chủ yếu ở đồng bằng, ven biển.

C. Phân bố dân tộc ở Việt Nam có sự thay đổi.

D. Người Việt Nam ở nước ngoài là một bộ phận của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

**Câu 2. Trung du và miền núi Bắc Bộ là địa bàn cư trú của các dân tộc:**

A. Tày, Nùng, Dao, Thái, Mông.

B. Tày, Nùng, Ê – Đê, Ba – Na.

C. Tày, Nùng, Gia-rai, Mơ nông.

D. Dao, Nùng, Chăm, Hoa.

**Câu 3. Cơ cấu ngành nông nghiệp nước ta chuyển dịch theo hướng**

A. giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp.

B. tăng tỉ trọng ngành trồng trọt, giảm tỉ trọng ngành chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp.

C. giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, chăn nuôi và tăng tỉ trọng ngành dịch vụ nông nghiệp.

D. tăng tỉ trọng ngành trồng trọt, chăn nuôi và giảm tỉ trọng ngành dịch vụ nông nghiệp.

**Câu 4. Hai vùng sản xuất lúa lớn nhất cả nước là**

A. Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.

B. Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên.

C. Đồng bằng sông Hồng, Trung du và miền núi Bắc Bộ.

D. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 5. Vùng nuôi nhiều trâu nhất nước ta là:**

A. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

B. Tây Nguyên

C. Đông Nam Bộ

D. Đồng bằng sông Hồng

**Câu 6. Biện pháp quan trọng hàng đầu trong thâm canh nông nghiệp nước ta là**

A. lai tạo nhiều giống.

B. mở rộng khai hoang.

C. sử dụng phân bón.

D. tăng cường thủy lợi.

**Câu 7. Chăn nuôi gia cầm phát triển nhiều nhất ở:**

A. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

B. Đồng bằng sông Cửu Long

C. Đông Nam Bộ

D. Đồng bằng sông Hồng

**Câu 8. Hoạt động lâm nghiệp nước ta không bao gồm**

A. du lịch sinh thái.

B. khai thác gỗ, lâm sản.

C. khoanh nuôi rừng.

D. trồng và bảo vệ rừng.

**Câu 9. Cơ cấu sản lượng thủy sản nước ta chuyển dịch theo hướng**

A. tăng tỉ trọng sản lượng nuôi trồng, giảm tỉ trọng sản lượng khai thác.

B. tăng cả tỉ trọng sản lượng nuôi trồng và tỉ trọng sản lượng khai thác.

C. giảm tỉ trọng sản lượng nuôi trồng, tăng tỉ trọng sản lượng khai thác.

D. giảm cả tỉ trọng sản lượng nuôi trồng và tỉ trọng sản lượng khai thác.

**Câu 10. Vùng có sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn nhất nước ta là?**

A. Đồng bằng sông Hồng.

B. Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung

C. Đồng bằng sông Cửu Long.

D. Đông Nam Bộ.

**Câu 11. Loại rừng nào dưới đây có thể tiến hành khai thác gỗ đi đôi với trồng mới?**

A. Rừng đặc dụng.

B. Rừng quốc gia.

C. Rừng sản xuất.

D. Rừng phòng hộ.

**Câu 12. Nguồn lao động dồi dào, thị trường rộng lớn là cơ sở để phát triển mạnh ngành nào sau đây?**

A. Công nghiệp khai thác khí tự nhiên.

B. Công nghiệp cơ khí và hoá chất.

C. Công nghiệp sản xuất máy vi tính.

D. Công nghiệp sản xuất thực phẩm.

**Câu 13. Công nghiệp nước ta có cơ cấu ngành đa dạng chủ yếu do**

A. nhiều tài nguyên có giá trị cao.

B. tài nguyên thiên nhiên đa dạng.

C. nhiều tài nguyên trữ lượng lớn.

D. tài nguyên phân bố ở nhiều nơi.

**Câu 14. Ngành kinh tế nào sau đây có vai trò quyết định trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước?**

A. Công nghiệp.

B. Nông nghiệp.

C. Dịch vụ.

D. Lâm nghiệp.

**Câu 15. Nhân tố kinh tế - xã hội tác động đến ngành công nghiệp của nước ta không phải là**

A. Chính sách, thị trường.

B. Dân cư và lao động.

C. Cơ sở hạ tầng, vật chất.

D. Tài nguyên khoáng sản.

**II. Trắc nghiệm đúng sai.**

**1. Cho bảng số liệu:**

**Tỉ lệ dân thành thị và nông thôn của Việt Nam giai đoạn 2015 – 2024 (Đơn vị: %)**

| Năm                 | 2015 | 2020 | 2021 | 2024 |
|---------------------|------|------|------|------|
| Tỉ lệ dân thành thị | 33,5 | 36,8 | 37,1 | 38,4 |
| Tỉ lệ dân nông thôn | 66,5 | 63,2 | 62,9 | 61,6 |

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

|   |      |     |
|---|------|-----|
| Ý | Đúng | Sai |
|---|------|-----|

|                                                                                                                                                     |  |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|
| a.(NB) Giai đoạn 2015 – 2024 dân cư nước ta phân bố không đều giữa nông thôn và thành thị.                                                          |  |  |
| b.(NB) Phần lớn dân cư nước ta sống ở thành thị.                                                                                                    |  |  |
| c.(VD) Từ năm 2015 đến năm 2024 sự phân bố dân cư giữa nông thôn và thành thị ở nước ta ngày càng bất hợp lí hơn.                                   |  |  |
| d.(VD) Sự thay trong phân bố dân cư giữa nông thôn và thành thị giai đoạn 2015 – 2024 phản ánh quá trình công nghiệp hoá ở nước ta đang tiến triển. |  |  |

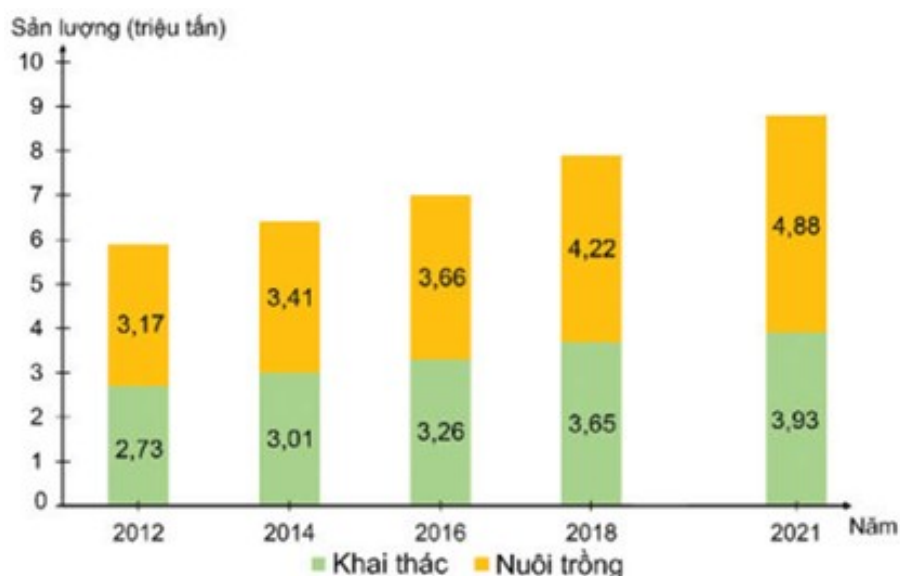
**Bảng 2. ĐẶC ĐIỂM CỦA QUẦN CƯ NÔNG THÔN VÀ QUẦN CƯ THÀNH THỊ**

| Tiêu chí          | Quần cư nông thôn                                                                          | Quần cư thành thị                                                      |
|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| Mật độ dân số     | Mật độ dân số thấp.                                                                        | Mật độ dân số cao.                                                     |
| Cấu trúc quần cư  | Nơi cư trú được cấu trúc thành xã làng, xóm, bản....                                       | Nơi cư trú được cấu trúc thành phường, thị trấn, tổ dân phố,...        |
| Hoạt động kinh tế | Nông nghiệp là chủ yếu; chuyển dịch về cơ cấu kinh tế, phát triển thủ công, dịch vụ,...    | Công nghiệp, dịch vụ là hoạt động kinh tế chủ yếu.                     |
| Chức năng         | Hành chính, văn hoá, xã; chức năng quần cư nông thôn đang thay đổi theo hướng đa dạng hoá. | Đa chức năng: trung tâm kinh tế, văn hoá, chính trị, đổi mới sáng tạo. |

| Ý                                                                                                            | Đúng | Sai |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-----|
| a.(NB) Hai loại hình quần cư nước ta là quần cư nông thôn và quần cư thành thị.                              |      |     |
| b.(NB) Quần cư nông thôn có mật độ dân số thấp, quần cư thành thị có mật độ dân số cao.                      |      |     |
| c.(VD) Hoạt động kinh tế chủ yếu của quần cư nông thôn là dịch vụ, là công nghiệp                            |      |     |
| d.(VD) Hoạt động kinh tế chủ yếu của quần cư thành thị là nông nghiệp, đang thay đổi theo hướng đa dạng hoá. |      |     |

**III. Trả lời nhanh**

**Câu 1** Cho biểu đồ về ngành thủy sản nước ta:



a. (TH) Từ năm 2012 đến 2021 sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng lên bao nhiêu triệu tấn?

b. .(VD) Từ năm 2012 đến 2021 sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng lên bao nhiêu lần?

**Câu 2. Bảng . DÂN SỐ VÀ TỈ LỆ TĂNG DÂN SỐ NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1989 – 2021**

| Năm                   | 1989 | 1999 | 2009 | 2021 |
|-----------------------|------|------|------|------|
| Số dân (triệu người)  | 64,4 | 76,5 | 86,0 | 98,5 |
| Tỉ lệ tăng dân số (%) | 2,10 | 1,51 | 1,06 | 0,94 |

a. (TH) Từ năm 1989 đến năm 2021 dân số nước ta tăng lên bao nhiêu triệu người?

b. .(VD) Từ năm 1989 đến năm 2021 tỉ lệ tăng dân số nước ta tăng hay giảm và bằng bao nhiêu lần?

**Câu 3: a.(VD) Diện tích Việt Nam 331 212 km<sup>2</sup>. Dân số Việt Nam 101 triệu người (2024). Hãy tính mật độ dân số nước ta?**

b. .(VD) Diện tích Thế giới 150 triệu km<sup>2</sup>. Dân số thế giới 8,142 tỷ người (2024). Hãy tính mật độ dân số thế giới?

## II. TỰ LUẬN:

**Câu 1. Phân tích ảnh hưởng của khí hậu đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở nước ta.**

**Câu 2. Phân tích sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư nước ta.**

- **Cơ cấu theo nhóm tuổi:** Tỉ lệ dân số dưới 15 tuổi giảm, tỉ lệ dân số từ 15 đến 64 tuổi và từ 65 tuổi trở lên tăng. Việt Nam đang ở trong thời kì dân số vàng và có xu hướng già hoá dân số.

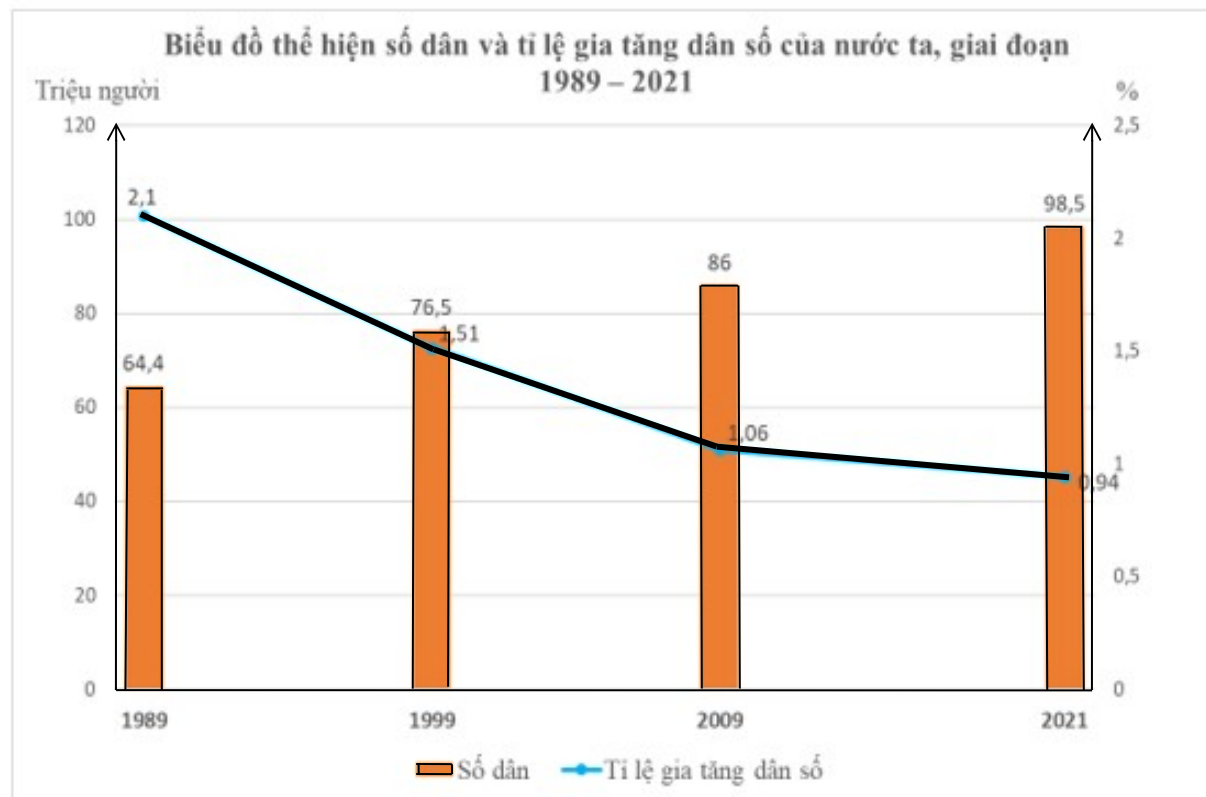
- **Cơ cấu theo giới tính:** Tỉ số giới tính nước ta khá cân bằng 99,4 nam/100 nữ (năm 2021). Tuy nhiên, tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh rất được quan tâm 112 bé trai/100 bé gái (năm 2021)

**Câu 3. Dựa vào bảng 1.1, hãy vẽ và nhận xét biểu đồ thể hiện dân số và tỉ lệ tăng dân số nước ta giai đoạn 1989 – 2021.**

**Bảng 1.1. DÂN SỐ VÀ TỈ LỆ TĂNG DÂN SỐ NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1989 – 2021**

| Năm                   | 1989 | 1999 | 2009 | 2021 |
|-----------------------|------|------|------|------|
| Số dân (triệu người)  | 64,4 | 76,5 | 86,0 | 98,5 |
| Tỉ lệ tăng dân số (%) | 2,10 | 1,51 | 1,06 | 0,94 |

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)



\* **Nhận xét:** Từ năm 1989 đến năm 2021, tỉ lệ gia tăng dân số nước ta có xu hướng giảm (từ 2,1% năm 1989 xuống 0,94% năm 2021, giảm 1,16%). Tuy nhiên quy mô dân số nước ta vẫn tăng (từ 64,4 triệu người năm 1989 lên 98,5 triệu người năm 2021, tăng 34,1 triệu người) trung bình mỗi năm tăng khoảng 1 triệu người.

\* **Hướng dẫn vẽ biểu đồ:**

- Xác định dạng biểu đồ: Biểu đồ cột kết hợp đường (hình chữ U)

\* **Cách vẽ:**

**Bước 1: Phân tích bảng số liệu và xây dựng hệ trục tọa độ**

- Phân tích bảng số liệu để tìm số lớn nhất, nhỏ nhất nhằm chia hệ trục tọa độ.
- Xác định tỉ lệ, phạm vi khổ giấy phù hợp.
- Xây dựng hệ trục tọa độ hợp lý chiều cao 2 trục tung = 2/3 chiều dài trục hoành.
- Đánh số chuẩn trên 2 trục tung phải cách đều nhau (*lưu ý 2 trục không liên quan nhau về số liệu*).

**Bước 2: Vẽ biểu đồ**

- + Cột là trục tung bên trái thể hiện số dân (đơn vị triệu người)
- + Đường là trục tung bên phải thể hiện tỉ lệ gia tăng dân số (đơn vị %). Điểm của đường phải nằm chính giữa năm (nên hoàn thành đường để tránh nối nhầm).
- + Trục hoành thể hiện thời gian (năm). Năm đầu tiên và năm cuối cùng phải cách 2 trục tung khoảng 0,5 - 1,0 cm

**Bước 3: Hoàn thiện biểu đồ**

- Ghi đầy đủ số liệu cho cột và đường.
- Hoàn chỉnh bảng chú giải và tên biểu đồ.

\* **Lưu ý:**

- Khoảng cách năm thật chính xác: khoảng cách từ năm 1989 đến 1999 và từ 1999 đến 2009 bằng nhau (vì đều cách nhau 10 năm); khoảng cách từ năm 2009 đến 2021 dài hơn (vì cách 12 năm);
- Không dùng các nét đứt để nối sang trục tung.

\* **Nhận xét biểu đồ**

- Nhận xét chung nhất.
- Nhận xét từng đối tượng, sự tăng hay giảm của các đối tượng, sự liên tục hay không liên tục,...
- Nhận xét các mốc năm (tăng, giảm như thế nào)?
- Tìm mối liên hệ giữa các đối tượng.

**Câu 4. Phân tích ảnh hưởng của địa hình, đất đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp và lâm nghiệp ở nước ta.**

**Câu 5. Phân tích ảnh hưởng của nhân tố tự nhiên đến sự phát triển và phân bố công nghiệp ở nước ta.**

Đáp án II. Trắc nghiệm đúng sai

1. a..Đ; b.S; c..S; d.Đ

2. a..Đ; b.Đ; c..S; d.S

III. Trả lời nhanh

1. a. 1,71 triệu tấn

b. 1,54 lần

2.

a. 34.1 triệu người

b. Giảm 2.23 lần

3.

a. 305 người / km<sup>2</sup>

b. 54 người / km<sup>2</sup>